TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/04/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 876 /2025/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu H, sinh năm …

Căn cước số: ……..cấp ngày ……..

Địa chỉ thường trú: 65/3/6 đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 28 đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm …. luật sư thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: số 28 đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Ông Phạm Chánh T, sinh năm …

Căn cước công dân số: …cấp ngày …

Địa chỉ: 368/8 đường L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Theo đơn khởi kiện, biên bản hoà giải và bản tự khai nguyên đơn H trình bày:

Bà và ông Phạm Chánh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số …, quyển số … do UBND Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày …. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt trong suy nghĩ, lối sống và quan điểm dạy dỗ con cái ảnh hưởng đến tâm lý của các con, vợ chồng ly thân không còn chung sống từ tháng 01/2025 đến nay, hiện nay bà và 2 con đang ở nhà cha mẹ bà. Nay bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Phạm Chánh T.

Về con chung: bà và ông Phạm Chánh T có 02 con chung tên Phạm Dương Phúc N, sinh ngày … và Phạm Hà A, sinh ngày …. Bà yêu cầu giao con chung Phạm Dương Phúc N, sinh ngày … cho ông Phạm Chánh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Hà A, sinh ngày … cho bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Thu nhập của bà gồm tiền lương là 13.772.000 đồng và dạy thêm tổng cộng là 40 triệu đồng/1 tháng.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2/ Tại bản tự khai bị đơn trình bày: ông và bà Dương Thị Thu H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số …, quyển số …. do UBND Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày …. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do khác biệt trong suy nghĩ, lối sống và quan điểm dạy dỗ con. Vợ chồng ông ly thân đã 01 năm nay, ông không nhớ rõ ngày tháng năm. Nay bà H yêu cầu xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì để lo cho con lớn đủ 18 tuổi, chờ con lớn trưởng thành nếu đặt trường hợp Tòa án xét xử theo quy định pháp luật giao con chung Phạm Dương Phúc N cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con hoặc nếu đặt trường hợp Tòa án giao 02 con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì ông cũng không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về con chung: có 2 con chung tên Phạm Dương Phúc N, sinh ngày … và Phạm Hà A, sinh ngày ….

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung.

Thu nhập của ông mỗi tháng 15.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bị đơn theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, vợ chồng ly thân không còn chung sống đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Xét giao con chung Phạm Dương Phúc N, sinh ngày … cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Hà A, sinh ngày …. cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông T khai không có, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số …, quyển số … do UBND Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày … có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay bà H yêu cầu ly hôn là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – ông T cư trú tại phường V, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H và bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

[2.1]Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ bản tự khai, biên bản hòa giải bà H, ông T xác định: Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2025 đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và bà ông T trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống đã lâu, hai bên không thể hàn gắn giải quyết được mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu ly hôn của bà H đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cho bà H ly hôn với ông T, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H ly hôn với ông T.

[2.2] Đối với yêu cầu giải quyết con chung:

Xét bà H yêu cầu giao con chung Phạm Dương Phúc N, sinh ngày …. (giới tính nam) cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Hà A, sinh ngày … (giới tính nữ) cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ; xét thấy mức thu nhập mỗi tháng của bà H và ông T, với mức thu nhập nêu trên bà H và ông T có điều kiện về vật chất để chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học tập của 2 trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao con chung cho Phạm Dương Phúc N, sinh ngày …. cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Hà A, sinh ngày … cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật, yêu cầu này của bà H có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc giải quyết con chung của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con : Ông T và bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông T và bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung : Ông T và bà H khai không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

-Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 117, 118 và khoản 1 Điều 116, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Thu H.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Dương Thị Thu H được ly hôn ông Phạm Chánh T.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Dương Phúc N, sinh ngày … cho ông Phạm Chánh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Hà A, sinh ngày … cho bà Dương Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà Dương Thị Thu H và ông Phạm Chánh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở, nhưng bà Dương Thị Thu H và ông Phạm Chánh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người T tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị Thu H và ông Phạm Chánh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Toà án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Thu H và ông Phạm Chánh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Toà án không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình:

Bà Dương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0052727 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo: Bà Dương Thị Thu H và ông Phạm Chánh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV4 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV4 – TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Thị Minh Tú